

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần				ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ					SỐ	CHỮ	
				10%				30%	60%	100%		
					1 1							
1	2012219018	Nguyễn Thị Kim Dung	N20KDN	9	10	8		9.0	6.0	7.2	Bảy phẩy Hai	
2	2012219020	Trần Thị Ngọc Duyên	N20KDN	6	9	7		8.0	5.0	6.0	Sáu	
3	2012219019	Hoàng Thị Phương Duyên	N20KDN	7	10	8		9.0	7.0	7.6	Bảy phẩy Sáu	
4	2012219021	Nguyễn Thị Thanh Hiền	N20KDN	6	9	7		8.0	6.5	6.9	Sáu phẩy Chín	
5	2013219023	Trương Văn Long	N20KDN	7	10	9		9.5	7.5	8.1	Tám phẩy Một	
6	2012219024	Nguyễn Đoàn Trà My	N20KDN	7	10	7		8.5	5.5	6.6	Sáu phẩy Sáu	
7	2012219027	Nguyễn Thị Lan Tiên	N20KDN	6	10	7		8.5	6.0	6.8	Sáu phẩy Tám	
8	2013219029	Phạm Hữu Tuyên	N20KDN	8	10	9		9.5	6.5	7.6	Bảy phẩy Sáu	
1	1812219549	Mai Thị Tuyết Nga	N19KDN	1	0	5		2.5	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
2	1912711447	Hà Thị Thanh Huyền	N19DLK	7	10	7		8.5	6.0	6.9	Sáu phẩy Chín	98613
3	1912711404	Nguyễn Thị Vân Anh	N19DLK	0	0	0		0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, 27766
4	1912711544	Võ Thị Ngọc Yến	N19DLK	8	10	7		8.5	6.0	7.0	Bảy	27767
5	1913711509	Nguyễn Tiến Thôi	N19DLK	5	5	6		5.5	5.0	5.2	Năm phẩy Hai	33754
6	1913711414	Phạm Thanh Chi	N19DLK	5	5	5		5.0	5.0	5.0	Năm	32273
7	1813719186	Lê Hồng Phúc	N19DLK	5	5	5		5.0	5.0	5.0	Năm	27763
8	1912711494	Nguyễn Hữu Anh Quyên	N19DLK	6	5	7		6.0	7.0	6.6	Sáu phẩy Sáu	27765
9	1912711446	Trần Nữ Hoàng Hường	N19DLK	5	5	6		5.5	5.5	5.5	Năm phẩy Năm	27760
10	1913111570	Trần Hoài Nam	N19TPM	5	5	5		5.0	5.0	5.0	Năm	98605
11	1913111558	Nguyễn Minh Hoàng	N19TPM	6	5	6		5.5	5.0	5.3	Năm phẩy Ba	98606
12	1913111602	Nguyễn Thành Vinh	N19TPM	0	0	0		0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, 26619
13	2012719041	Tôn Nữ Ngọc Hằng	N20DLK	6	8	6		7.0	5.5	6.0	Sáu	26603
14	1912711472	Mai Như Ngọc	N20DLK	0	0	0		0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
15	1913711523	Đinh Văn Toàn	N19DLK	6	5	6		5.5	6.5	6.2	Sáu phẩy Hai	32275
16	1913711412	Nguyễn Trần Hoài Bảo	N19DLK	6	8	7		7.5	7.0	7.1	Bảy phẩy Một	98607
17	1912711497	Phạm Ngọc Bảo Quỳnh	N19DLK	7	9	6		7.5	6.5	6.9	Sáu phẩy Chín	98614
18	1713719996	Nguyễn Hoàng Nguyên Vũ	N19DLK	5	5	6		5.5	5.0	5.2	Năm phẩy Hai	34831
19	1912211618	Nguyễn Thị Hoàng Hậu	N19DLK	5	8	5		6.5	5.0	5.5	Năm phẩy Năm	98623
20	1913711505	Vũ Ngọc Thiện	N19DLK	6	5	6		5.5	6.5	6.2	Sáu phẩy Hai	33755
21	1913711441	Nguyễn Thanh Hòa	N19DLK	6	9	7		8.0	8.0	7.8	Bảy phẩy Tám	29347
22	1813719119	Nguyễn Xuân Sơn Lâm	N19DLK	5	7	6		6.5	6.0	6.1	Sáu phẩy Một	32272
23	1813119409	Trần Văn Nhó	N19TPM	7	9	8		8.5	6.5	7.2	Bảy phẩy Hai	27768

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	27	87%	
2	Số sinh viên nợ	4	13%	
TỔNG CỘNG :		31	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA

LÃNH ĐẠO KHOA

Đà Nẵng, ngày 04 tháng 03 năm 2016
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần		ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ			SỐ	CHỮ	
		(ký và ghi rõ họ tên)	(ký và ghi rõ họ tên)							

Nguyễn Thị Kim Phượng

ThS. Nguyễn Ân